

**CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH BẢO TRÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH BẢO TRÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO TRAM COMPUTER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAOTRAMCOMPUTER CO. LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110443332

**3. Ngày thành lập:** 09/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26 Ngõ 79 Đường Đình, Thôn Thọ Am, , Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978.631.988

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                      | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                             | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                             | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                        | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của các đấu giá viên)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>v                                          | 4610     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                       | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>( Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                                                                            | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                        | 4651     |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                         | 4652     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                     | 4653     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659     |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                    | 4663     |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                          | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>Chi tiết: - Dịch vụ sửa chữa thiết bị điện tử như: Máy vi tính, thiết bị ngoại vi;<br>- Máy vi tính để bàn, máy tính xách tay;<br>- Ổ đĩa từ, các thiết bị lưu giữ khác;<br>- Máy in; | 9511 |
| 15. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                              | 6201 |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                | 6202 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                    | 6209 |
| 18. | Quảng cáo<br>( Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                             | 7310 |
| 19. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                               | 4711 |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                 | 4719 |
| 22. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                           | 4782 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                 | 4783 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                | 4784 |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ hoạt động đấu giá Tài sản)                                                                                                                                                      | 4789 |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                       | 4791 |
| 27. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                  | 5820 |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển:<br>- Máy tính và thiết bị ngoại vi;                                 | 7730 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                  | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                            | 4102 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                      | 4211 |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                       | 4212 |
| 33. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                           | 4221 |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                | 4222 |
| 35. | Phá dỡ<br>(Trừ bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                                                                                                   | 4311 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                                                                                        | 4312 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                              | 4321 |

|     |                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                            | 4741(Chính) |
| 39. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4742        |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759        |
| 41. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4761        |
| 42. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4762        |
| 43. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4771        |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh ( Trừ: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu) | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.600.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên        | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | Việt Nam  | Thôn Thọ Am, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.300.000.000         | 50,000    | 001183004974                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN NGỌC TUYẾN     | Việt Nam  | Thôn Thọ Am, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.300.000.000         | 50,000    | 001088018952                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC TUYẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088018952

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Thọ Am, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thọ Am, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 10/08/2023 đến ngày 09/09/2023

